

BÁO CÁO

Về công tác chuẩn bị triển khai dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam qua địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Quyết định số 73-QĐ/TU ngày 21/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Ban Chỉ đạo các công trình trọng điểm Quốc gia, tỉnh Gia Lai (gồm công tác giải phóng mặt bằng dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam, đoạn qua địa phận tỉnh và triển khai thực hiện dự án Đường bộ cao tốc Quy Nhơn – Pleiku).

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công tác chuẩn bị triển khai dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam qua địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Dự án) đến nay như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin cơ bản của Dự án

Dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam đã được Quốc hội thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tại Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30/11/2024, gồm những thông tin cơ bản sau:

- Nhóm dự án: Dự án quan trọng quốc gia.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Quốc hội.
- Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án: Thủ tướng Chính phủ.
- Cơ quan chủ quản: Bộ Xây dựng.
- Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (NCTKT): Ban QLDA Đường sắt.
- Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (NCKT): Ban QLDA Thăng Long.
- Phạm vi, quy mô, hình thức đầu tư:
 - + Phạm vi: Dự án có tổng chiều dài tuyến khoảng 1.541 km; điểm đầu tại ga Ngọc Hồi (Thủ đô Hà Nội), điểm cuối tại ga Thủ Thiêm (Thành phố Hồ Chí Minh), đi qua địa phận 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - + Quy mô: Đầu tư mới toàn tuyến đường đôi khổ 1.435 mm, tốc độ thiết kế 350 km/h, tải trọng 22,5 tấn/trục; 23 ga hành khách, 05 ga hàng hóa; phương tiện, thiết bị; đường sắt tốc độ cao vận chuyển hành khách, đáp ứng yêu cầu lưỡng dụng phục vụ quốc phòng, an ninh, có thể vận tải hàng hóa khi cần thiết;
 - + Hình thức đầu tư: Đầu tư công.
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ đường sắt chạy trên ray, điện khí hóa; bảo đảm hiện đại, đồng bộ, an toàn và hiệu quả.

- Sơ bộ tổng mức đầu tư và nguồn vốn: Sơ bộ tổng mức đầu tư của Dự án là 1.713.548 tỷ đồng (*Một triệu, bảy trăm mười ba nghìn, năm trăm bốn mươi tám tỷ đồng*); Nguồn vốn ngân sách nhà nước bố trí trong các kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn và nguồn vốn hợp pháp khác.

- Tiến độ thực hiện dự án: Lập báo cáo nghiên cứu khả thi từ năm 2025, phân đấu cơ bản hoàn thành Dự án năm 2035.

2. Thông tin Dự án đoạn qua địa phận tỉnh

- Phạm vi xây dựng: Điểm đầu tại phường Hoài Nhơn Bắc, giáp ranh giới tỉnh Quảng Ngãi; Điểm cuối tại phường Quy Nhơn Tây, giáp ranh giới tỉnh Đắk Lắk.

- Tổng chiều dài tuyến qua địa bàn tỉnh Khoảng 115,7 Km (*từ lý trình Km886+300 đến Km1002+000*), đi qua 18 xã, phường sau sáp nhập¹.

- Nhà ga, trạm bảo dưỡng:

+ Bố trí 02 ga, gồm: Ga Bồng Sơn thuộc phường Hoài Nhơn Nam. Ga Diêu Trì, thuộc xã Tuy Phước Tây (*vị trí Ga nằm cách ga Diêu Trì hiện tại khoảng 4 Km về phía Tây*).

+ Ga hàng hoá: không bố trí. Depot: không bố trí.

+ Trạm bảo dưỡng: Phạm vi tỉnh được bố trí 2 trạm, gồm: Trạm số 1: đặt gần ga Bồng Sơn; Trạm số 2: đặt gần ga Diêu Trì.

- Hướng tuyến: Tuyến đi qua 18 xã, phường sau sáp nhập gồm: Phường Hoài Nhơn Bắc, Phường Tam Quan, Phường Hoài Nhơn Tây, Phường Hoài Nhơn Nam, Phường Bồng Sơn, Xã Vạn Đức, Xã Phù Mỹ Bắc, Xã Phù Mỹ Tây, Xã Phù Mỹ Nam, Xã Hòa Hội, Xã Bình Hiệp, Xã Bình An, Phường An Nhơn, Phường Bình Định, Xã An Nhơn Tây, Phường An Nhơn Nam, Xã Tuy Phước Tây, Phường Quy Nhơn Tây.

- Diện tích sử dụng đất sơ bộ Dự án: tổng nhu cầu chiếm dụng đất của Dự án đoạn qua tỉnh Gia Lai khoảng 758ha. Trong đó: Đất ở đô thị 32,7ha; Đất ở nông thôn 148 ha; Đất chuyên trồng lúa 264,8ha; Đất trồng lúa còn lại 41,3ha; Đất trồng cây hàng năm khác 41,0ha; Đất trồng cây lâu năm 72,3ha; Đất nuôi trồng thủy sản 0,0ha; Đất rừng sản xuất 11,6ha; Đất rừng phòng hộ 71,0 ha; Đất rừng đất dụng 42,6ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 4,3ha; Đất khác (*giao thông, sông suối, đất chưa sử dụng...*) 28,4ha.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI PHIÊN HỌP BAN CHỈ ĐẠO LẦN 3

Tại phiên họp lần thứ ba ngày 04/11/2025, Ban Chỉ đạo đã giao nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, ngành và các địa phương có liên quan nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu mục tiêu, kế hoạch, tiến độ đề ra. Đến nay **đã hoàn thành các nhiệm vụ**, cụ thể: **(1)** UBND tỉnh đã phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. **(2)** UBND tỉnh đã phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 vùng phụ cận ga đường sắt tốc độ cao trục Bắc – Nam tại khu vực Bồng Sơn và tại khu vực Diêu Trì. **(3)** Dự án thực hiện công tác

¹ Phường Hoài Nhơn Bắc, Phường Tam Quan, Phường Hoài Nhơn Tây, Phường Hoài Nhơn Nam, Phường Bồng Sơn, Xã Vạn Đức, Xã Phù Mỹ Bắc, Xã Phù Mỹ Tây, Xã Phù Mỹ Nam, Xã Hòa Hội, Xã Bình Hiệp, Xã Bình An, Phường An Nhơn, Phường Bình Định, Xã An Nhơn Tây, Phường An Nhơn Nam, Xã Tuy Phước Tây, Phường Quy Nhơn Tây.

bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, các Sở, ngành đã thẩm định xong, đang chờ Nghị quyết chính phủ phê duyệt dự án thành phần giải phóng mặt bằng, sau đó UBND tỉnh phê duyệt dự án. (4) Trung tâm PTQĐ tỉnh đã trình thẩm định thiết kế PCCC được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH thẩm duyệt 24/37 khu tái định cư. (5) Các địa phương đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ xong toàn bộ diện tích đối với 23 khu tái định cư và phê duyệt đợt 1 một phần diện tích đối với 13 khu tái định cư. (6) Trung tâm PTQĐ tỉnh đã phối hợp với các địa phương chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ 295,88 tỷ đồng cho các hộ dân bị ảnh hưởng (*trong tổng số 599 tỷ đồng được Bộ Xây dựng cấp năm 2025*).

III. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tình hình triển khai thực hiện liên quan đến tuyến chính Dự án

a) Về triển khai tuyến chính của Dự án

- Qua rà soát hướng tuyến Dự án theo hồ sơ tiền khả thi, UBND tỉnh đã có Văn bản kiến nghị Bộ Xây dựng² chỉ đạo các đơn vị liên quan tập trung đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành công tác lựa chọn đơn vị Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án; đồng thời, chủ động phối hợp với các địa phương có liên quan để rà soát, thực hiện phương án điều chỉnh cục bộ hướng tuyến Dự án nhằm hạn chế thấp nhất việc chùng lún, ảnh hưởng đối với các quy hoạch đô thị, khu dân cư, khu tái định cư, các dự án trọng điểm của tỉnh, các di tích lịch sử,... Tổ chức bàn giao cọc giải phóng mặt bằng tại hiện trường để các địa phương có cơ sở triển khai đo đạc, kiểm đếm, lập phương án, đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ Dự án, đảm bảo kế hoạch tiến độ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Tuy nhiên đến nay, Bộ Xây dựng chỉ mới hoàn thành công tác lựa chọn đơn vị Tư vấn QLDA, đang tổ chức lựa chọn công nghệ, đối tác cho Dự án; phần đầu hoàn thành việc lựa chọn tư vấn lập Báo cáo NCKT trong Quý II/2026, sau đó sẽ tổ chức làm việc với các địa phương để phối hợp rà soát, nghiên cứu thống nhất về hướng tuyến, vị trí ga...đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 2516/QĐ-BXD ngày 31/12/2025 điều chỉnh nhiệm vụ Chủ đầu tư bước lập BCNCKT Dự án từ Ban QLDA Đường sắt sang Ban QLDA Thăng Long thuộc Bộ Xây dựng.

- Theo Văn bản số 98/TB-VPCP ngày 05/3/2026 của Văn phòng Chính phủ về Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính - Trưởng Ban Chỉ đạo tại Phiên họp thứ bảy Ban chỉ đạo các công trình trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia lĩnh vực đường sắt, trong đó có giao một số nhiệm vụ cho các Bộ, ngành và địa phương đối với Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam: ***(1) Giao Bộ Xây dựng Chỉ đạo hoàn thành lập hồ sơ mời thầu gói thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi trong tháng 3/2026.***

b) Về tách công tác GPMB thành dự án thành phần độc lập

- Theo khoản 13 Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV: ***“Cho phép tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam thành***

² Các Văn bản kiến nghị của UBND tỉnh: số 4399/UBND-KT ngày 27/5/2025, số 104/BC-UBND ngày 17/6/2025, số 1805/UBND-XDCT ngày 10/02/2026

các dự án độc lập, nguồn vốn được bố trí từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Các địa phương, các chủ thể, cơ quan liên quan, cấp có thẩm quyền, tổ chức lập, quyết định đầu tư, thực hiện các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn và việc đầu tư các hạng mục liên quan đến nội dung này không phải lập chủ trương đầu tư. Căn cứ vào tình hình thực tế, giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết quy định này.”

Theo đề nghị của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 1305/BXD KTQLXD ngày 28/01/2026; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng tham gia góp ý kiến đối với nội dung Tờ trình kèm theo dự thảo ***Nghị quyết Chính phủ hướng dẫn triển khai thực hiện*** đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam, trong đó có hướng dẫn “*Phân chia Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam thành 17 dự án độc lập. Người quyết định đầu tư được phép tách dự án độc lập thành các dự án thành phần/dự án thành phần độc lập...*”.

Sau khi Nghị quyết của Chính phủ được ban hành, làm cơ sở Bộ Xây dựng phê duyệt phân chia Dự án thành các dự án thành phần (*trong đó có công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư thuộc dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam*) và UBND tỉnh phê duyệt Dự án thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh. Sau khi dự án được phê duyệt, Trung tâm PTQĐ tỉnh sẽ tổ chức trình phê duyệt hồ sơ Thiết kế chi tiết, tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công đồng loạt các Khu TĐC.

2. Kết quả triển khai thực hiện công tác giải phóng mặt bằng Dự án

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kết luận số 44-KL/TU ngày 10/9/2025 thông qua Dự án thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với giá trị tổng mức đầu tư: 10.310 tỷ đồng, kết quả triển khai thực hiện công tác GPMB Dự án³ đến nay như sau:

a) Về công tác lập quy hoạch và chuẩn bị đầu tư: Hoàn thành phê duyệt quy hoạch 38/38 khu tái định cư và 06/6 khu cải táng (4,01ha). Tổng diện tích quy hoạch 38 khu tái định cư là 153,84 ha; diện tích đầu tư xây dựng là 141 ha (3.371 lô) phục vụ tái định cư cho 1.587 hộ dân bị ảnh hưởng giải tỏa tuyến chính (*Khối lượng chi tiết theo Phụ lục 1, 2 đính kèm*).

- UBND tỉnh đã phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (*tại Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 18/11/2025*).

- Sau khi Nghị quyết của Chính phủ hướng dẫn triển khai thực hiện đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam được ban hành, UBND tỉnh sẽ phê duyệt Dự án thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, làm cơ sở để triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công, tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công đồng loạt các Khu TĐC.

- Trung tâm PTQĐ tỉnh đã trình và được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH thẩm duyệt thiết kế PCCC đối với 24/37 khu tái định cư, đang phối hợp hoàn thành công tác thẩm định 13 khu TĐC còn lại.

b) Về mở đất phục vụ thi công các khu tái định cư

³ Theo báo cáo của Trung tâm PTQĐ tỉnh tại Văn bản số 45/BC-TTPTQĐ ngày 27/02/2026.

- Tổng nhu cầu vật liệu đất san lấp cho 38 khu tái định cư là khoảng 1.943.412 m³. UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương cho Trung tâm PTQĐ tỉnh được sử dụng 09 mỏ đất và khối lượng còn lại tại bãi thải Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân để thi công các khu tái định cư (*tại Văn bản số 2611/UBND-NNMT ngày 26/8/2025 và Văn bản số 5141/UBND- NNMT ngày 17/10/2025*).

- Sở NN&MT đã có Thông báo⁴ chấp thuận khảo sát, đánh giá khoáng sản 06 mỏ đất mở mỏ mới. Trung tâm PTQĐ tỉnh đang tổ chức khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (*đất làm vật liệu san lấp*) 06 mỏ đất nêu trên để trình phê duyệt.

c) Về công tác GPMB

- Trong tổng số 38 khu TĐC, Khu Tây Vinh (xã Bình An) đã GPMB xong, khu Vạn Định (xã Phù Mỹ Bắc), tạm thời chưa triển khai đầu tư; 36/36 khu TĐC đã được Trung tâm PTQĐ tỉnh lập phương án bồi thường, hỗ trợ, cụ thể: **35 khu tái định cư⁵ các địa phương đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ xong toàn bộ diện tích; 01 khu tái định cư Lại Khánh (phường Bồng Sơn) đã phê duyệt 81/82 hộ**, Trung tâm PTQĐ tỉnh đang phối hợp với các địa phương khẩn trương hoàn thành phê duyệt phương án bồi thường.

- Đối với 06 khu cải táng: phường Hoài Nhơn Bắc (01/01 khu) đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, dự kiến ngày 17/3/2026 sẽ tổ chức chi trả tiền. Trung tâm PTQĐT tỉnh đã trình phường Tam Quan, xã Tuy Phước Tây phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ 02 khu; đang phối hợp với phường Hoài Nhơn Nam, phường Bồng Sơn và phường Hoài Nhơn Tây xác nhận nguồn gốc đất, giá đất cụ thể, xây dựng phương án bồi thường hỗ trợ và trình phê duyệt.

d) Về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ các địa phương đã phê duyệt đến nay là 537,2 tỷ đồng/36 khu tái định cư (trong đó: 29 khu phê duyệt phương án trong năm 2025 với số tiền 317,65 tỷ đồng; 07 khu phê duyệt phương án trong năm 2026 với số tiền 219,55 tỷ đồng). Trung tâm đã phối hợp với các địa phương chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ 29 khu với số tiền 295,88 tỷ đồng/317,65 tỷ đồng, còn lại 07 phương án phê duyệt trong năm 2026 với số tiền 219,55 tỷ đồng.

UBND tỉnh đã có quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 về việc tạm ứng kinh phí ngân sách tỉnh để chi trả bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc Nam. Trong tuần tới, Trung tâm

⁴ Thông báo số 24, 25, 26/TB-SNNMT ngày 22/01/2026, số 27/TB-SNNMT ngày 23/01/2026, thông báo số 33, 34/TB-SNNMT ngày 27/01/2026 chấp thuận khảo sát, đánh giá khoáng sản 06 mỏ đất mở mỏ mới gồm: Mỏ đất TDHN14 tại phường Hoài Nhơn Bắc, mỏ đất TDHN27 tại phường Hoài Nhơn Nam, mỏ đất TDHN30 tại phường Bồng Sơn, mỏ đất tại xã Bình An, mỏ đất xã Phù Mỹ Bắc và mỏ đất xã Phù Mỹ Nam.

⁵ **31 khu TĐC**: khu An Đô, khu Cẩn Hậu, khu Hy Văn, khu Tường Sơn Nam (phường Hoài Nhơn Bắc), khu Tân Trung (phường Tam Quan), khu Lương Thọ, khu Cự Tài, khu Hội Phú (phường Hoài Nhơn Tây), khu Đệ Đức 1, khu Giao Hội (phường Hoài Nhơn Nam), khu Thiết Đỉnh Nam, khu Văn Cang và Diên Khánh (phường Bồng Sơn), khu Cửu Thành (xã Phù Mỹ Bắc), khu An Lạc 2, khu Trung Hội (xã Phù Mỹ Tây), khu Thanh An, khu Đại Thuận (xã Phù Mỹ Nam), khu Tân Xuân, khu Khánh Phước, khu Tân Hóa Nam, khu Hòa Đại, khu Hội Vân (xã Hòa Hội), khu Bình Thuận 1, khu Bình Thuận 2, khu Tây An (xã Bình Hiệp), khu Thiết Tràng 2, khu Thiết Tràng 4 (phường An Nhơn), khu Nhơn Khánh (phường Bình Định), khu Tân Lập 4 (xã An Nhơn Tây), khu Nhơn Thọ, khu Trần Nguyên Hân (phường An Nhơn Nam), khu An Sơn, khu Cảnh An, khu Bình An 2, khu Bình An 1 (xã Tuy Phước Tây).

PTQĐ tỉnh sẽ phối hợp với các địa phương chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tất cả các phương án đã được duyệt.

3. Về quy hoạch khai thác hiệu quả quỹ đất vùng phụ cận các ga đường sắt

UBND tỉnh đã phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 vùng phụ cận ga đường sắt tốc độ cao trục Bắc – Nam tại khu vực Bồng Sơn tại Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 23/12/2025, với quy mô diện tích khoảng 440 ha, thuộc phường Hoài Nhơn Nam và phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 vùng phụ cận ga đường sắt tốc độ cao trục Bắc – Nam tại khu vực Diêu Trì tại Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 23/12/2025, với quy mô diện tích khoảng 443 ha, thuộc xã Tuy Phước Tây. Sở Xây dựng đang tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan về hồ sơ quy hoạch.

4. Về kế hoạch thực hiện trong thời gian đến

UBND tỉnh tiếp tục kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo các Sở, ngành, Trung tâm PTQĐ tỉnh, các địa phương có liên quan tập trung quyết liệt triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (*2 Tuần họp 1 lần*) và tổ chức thi công xây dựng các Khu tái định cư, khu cải táng phục vụ dự án, bám sát kế hoạch tiến độ được duyệt, với các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Trung tâm PTQĐ tỉnh:

+ Hoàn thành công tác thẩm duyệt thiết kế PCCC đối với 13 khu TĐC còn lại trước ngày 20/03/2026.

+ Hoàn thành phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng đối với các khu TĐC và các khu cải táng trước ngày 20/3/2026.

+ Đối với các Khu tái định cư đã được các địa phương phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, chi trả ngay tiền bồi thường, hỗ trợ.

+ Phối hợp với Chủ đầu tư dự án, đề nghị bố trí kinh phí trong năm 2026 để thực hiện chi trả cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án được duyệt.

+ Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Dự án thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, phối hợp gửi hồ sơ cho Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tham gia góp ý hoàn thiện; đảm bảo khởi công đồng loạt các khu TĐC trong tháng 3/2026.

- Sở Xây dựng:

+ Chủ động phối hợp với Bộ Xây dựng, Ban QLDA Thăng Long đề nghị ngay khi hoàn thành lựa chọn đơn vị Tư vấn lập BCNCKT Dự án, sẽ tiến hành rà soát hồ sơ, thống nhất hướng tuyến, triển khai ngay việc cắm cọc, mốc và bàn giao cho các địa phương triển khai công tác giải phóng mặt bằng.

- Tiếp tục triển khai lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 vùng phụ cận ga đường sắt tốc độ cao trục Bắc – Nam tại khu vực Bồng Sơn và khu vực Diêu Trì, nhằm khai thác hiệu quả các quỹ đất nêu trên; báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét chỉ đạo thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Ban Chỉ đạo các công trình trọng điểm Quốc gia, tỉnh Gia Lai xem xét chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đ/c Bí Thư Tỉnh ủy - Trưởng BCD;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo;
- Các Sở: XD, TC, NN và MT;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, X2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC 1
BẢNG KHỐI LƯỢNG CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, KHU CẢI TẮNG PHỤC VỤ
GPMB DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO TRÊN TRỤC BẮC NAM
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2026 của UBND tỉnh)

STT	Tên Khu Tái định cư	Diện tích (ha)	Số căn nhà bị ảnh hưởng tuyến đường sắt	Số lô TĐC	Chi phí xây dựng dự kiến (tỷ đồng)
A	CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ	153,84	1.587	3.371	1.009,119
I	Phường Hoài Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai	19,93	319	602	
1	Khu Tái định cư thôn An Đỗ, phường Hoài Nhơn Bắc	1,69	11	43	12,401
2	Khu Tái định cư thôn Cấn Hậu, phường Hoài Nhơn Bắc	3,49	23	103	24,913
3	Khu Tái định cư thôn Hy Văn, phường Hoài Nhơn Bắc	10,80	250	356	53,947
4	Khu Tái định cư thôn Tường Sơn Nam, phường Hoài Nhơn Bắc	3,95	35	100	26,052
II	Phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai	5,10	40	128	
5	Khu Tái định cư thôn Tân Trung, phường Tam Quan	5,10	40	128	38,669
III	Phường Hoài Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai	15,24	104	309	
6	Khu Tái định cư thôn Lương Thọ 2, phường Hoài Nhơn Tây	4,46	27	91	37,046
7	Khu Tái định cư thôn Cự Tài 2, phường Hoài Nhơn Tây	6,28	40	108	53,803
8	Khu Tái định cư Khu phố Hội Phú, phường Hoài Nhơn Tây	4,50	37	110	33,092
IV	Phường Hoài Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	4,31	53	101	
9	Khu Tái định cư Khu phố Giao Hội 2, phường Hoài Nhơn Nam	1,36	18	44	13,264
10	Khu Tái định cư Khu phố Đệ Đức 1, phường Hoài Nhơn Nam	2,95	35	57	27,435
V	Phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai	28,44	152	343	
11	Khu Tái định cư Khu phố Thiết Đính Nam, phường Bồng Sơn	4,38	46	69	44,395
12	Khu Tái định cư Khu phố Lại Khánh, phường Bồng Sơn	21,22	72	187	73,512
13	Khu Tái định cư Khu phố Văn Cang và Diễn Khánh, phường Bồng Sơn	2,84	34	87	27,482
VI	Xã Phù Mỹ Bắc, tỉnh Gia Lai	7,04	35	111	
14	Khu Tái định cư thôn Cửu Thành xã Phù Mỹ Bắc	3,64	35	57	26,710
15	Khu Tái định cư Thôn Vạn Định, xã Phù Mỹ Bắc	3,40		54	27,305

STT	Tên Khu Tái định cư	Diện tích (ha)	Số căn nhà bị ảnh hưởng tuyến đường sắt	Số lô TĐC	Chi phí xây dựng dự kiến (tỷ đồng)
VII	Xã Phù Mỹ Tây, tỉnh Gia Lai	10,84	110	249	
16	Khu Tái định cư Trung Hội, xã Phù Mỹ Tây	6,30	70	149	30,356
17	Khu Tái định cư An Lạc 2, xã Phù Mỹ Tây	4,54	40	100	24,518
VIII	Xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai	8,55	102	163	
18	Khu Tái định cư thôn Thạnh An, xã Phù Mỹ Nam	3,90	55	92	20,456
19	Khu Tái định cư thôn Đại Thuận, xã Phù Mỹ Nam	4,65	47	71	36,666
IX	Xã Hòa Hội, tỉnh Gia Lai	7,65	63	153	
20	Khu Tái định cư thôn Tân Xuân, xã Hòa Hội	1,78	20	40	14,506
21	Khu Tái định cư thôn Khánh Phước, xã Hòa Hội	1,10	9	23	8,262
22	Khu Tái định cư thôn Tân Hóa Nam, xã Hòa Hội	2,45	22	46	14,504
23	Khu Tái định cư thôn Hòa Đại, xã Hòa Hội	1,41	5	26	8,479
24	Khu Tái định cư thôn Hội Vân, xã Hòa Hội	0,91	7	18	6,974
X	Xã Bình Hiệp, tỉnh Gia Lai	10,53	77	206	
25	Khu Tái định cư Bình Thuận 1, xã Bình Hiệp	1,70	50	35	11,227
26	Khu Tái định cư Bình Thuận 2, xã Bình Hiệp	4,20		75	23,349
27	Khu Tái định cư Tây An, xã Bình Hiệp	4,63	27	96	37,546
XI	Xã Bình An, tỉnh Gia Lai	1,48	5	48	
28	Khu Tái định cư Tây Vinh, xã Bình An	1,48	5	48	7,886
XII	Phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai	3,92	71	105	
29	Khu Tái định cư Thiết Tràng 2, phường An Nhơn	1,64	71	33	9,726
30	Khu Tái định cư Thiết Tràng 4, phường An Nhơn	2,28		72	15,848
XIII	Phường Bình Định, tỉnh Gia Lai	2,71	39	116	
31	Khu Tái định cư Nhơn Khánh, phường Bình Định	2,71	39	116	24,936
XIV	Xã An Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai	0,98	13	34	
32	Khu Tái định cư phía đông đường Tân Lập 4, xã An Nhơn Tây	0,98	13	34	7,616
XV	Phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	8,06	134	236	
33	Khu Tái định cư Nhơn Thọ, phường An Nhơn Nam	1,20	23	29	11,546
34	Khu Tái định cư đường Trần Nguyên Hãn, phường An Nhơn Nam	6,86	111	207	50,888
XVI	Xã Tuy Phước Tây, tỉnh Gia Lai	19,06	270	467	
35	Khu tái định cư An Sơn, xã Tuy Phước Tây	8,30	175	215	46,588
36	Khu tái định cư Cảnh An, xã Tuy Phước Tây	1,60	95	40	12,585

STT	Tên Khu Tái định cư	Diện tích (ha)	Số căn nhà bị ảnh hưởng tuyến đường sắt	Số lô TĐC	Chi phí xây dựng dự kiến (tỷ đồng)
37	Khu tái định cư Bình An 2, xã Tuy Phước Tây	8,97		207	63,807
38	Khu tái định cư Bình An 1, xã Tuy Phước Tây	0,19		5	0,823
B	CÁC KHU CẢI TÁNG	4,01			12,502
1	Khu cải táng phường Hoài Nhơn Bắc	0,35			0,945
2	Khu cải táng phường Tam Quan	0,55			1,190
3	Nghĩa trang nhân dân Đồi Pháo (giai đoạn 2), phường Hoài Nhơn Tây	1,06			1,603
4	Khu cải táng phường Hoài Nhơn Nam	0,35			1,237
5	Khu cải táng Phường Bồng Sơn	0,50			4,775
6	Khu cải táng Xã Tuy Phước Tây	1,20			2,751
	TỔNG (A + B)	157,85			1.021,622

PHỤ LỤC 2
BẢNG KHỐI LƯỢNG, CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GPMB TUYẾN CHÍNH
DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO TRÊN TRỤC BẮC NAM
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2026 của UBND tỉnh)

STT	Địa phận	Tổng diện tích	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở	Đất nông nghiệp	Đất rừng sản xuất	Đất tổ chức	Đất khác	Số hộ bị ảnh hưởng	Tổng kinh phí GPMB
		m ²	m ²	m ²	m ²	m ²	m ²	m ²	m ²	hộ	(tỷ đồng)
1	Phường Hoài Nhơn Nam	607.822,1		1.000	14.068	251.021	322.534		19.200	210	205,784
2	Phường Hoài Nhơn Tây	585.370,3		26.011	29.551	258.949	187.315		83.544	470	549,008
3	Phường Hoài Nhơn Bắc	734.157,5		37.214	22.331	460.256	208.487		5.870	470	575,753
4	Phường Bồng Sơn	725.966,3		16.973	30.534	321.253	317.226		39.980	950	592,534
5	Phường Tam Quan	137.517,5		7.200	19.757	110.387			173,3	390	223,206
6	Xã Vạn Đức	52.000,0		3.800	3.500	21.800			22.900	13	46,123
7	Xã Phù Mỹ Nam	462.920,8		19.226	86.602,6	286.402	6.259		64.431	84	340,134
8	Xã Phù Mỹ Tây	1.112.967,5		27.057	78.929	611.577	64.410		330.994,3	121	415,431
9	Xã Phù Mỹ Bắc	525.437,0		16.981	66.037	403.449	10.989		27.981	84	341,974

STT	Địa phận	Tổng diện tích	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở	Đất nông nghiệp	Đất rừng sản xuất	Đất tổ chức	Đất khác	Số hộ bị ảnh hưởng	Tổng kinh phí GPMB
		m ²	m ²	m ²	m ²	m ²	m ²	m ²	m ²	hộ	(tỷ đồng)
10	Xã Bình Hiệp	677.481,3		23.000	26.951	225.235	247.715		154.580	92	326,323
11	Xã Bình An	233.484,0		200	300	207.970			25.014	20	81,116
12	Phường An Nhơn	256.000,0		14.200	40.800	201.000				71	465,197
13	Phường An Nhơn Nam	677.100,0		12.100	100.000	273.000	182.000		110.000	180	668,795
14	Xã An Nhơn Tây	150.156,8		1.600	2.249	85.965			60.343	15	91,134
15	Phường Bình Định	128.094,0		18.000	27.993	68.137			13.964	275	230,310
16	Xã Hòa Hội	503.360,0		40.672	60.000	377.520	25.168			200	544,314
17	Xã Tuy Phước Tây	786.550,0		50.000	15.600	196.200	356.200		168.550	250	966,572
18	Phường Quy Nhơn Tây	1.141.000,0					1.128.464		12.536	80	120,967
Tổng cộng		9.497.385		315.234	625.204	4.360.119	3.056.767		1.140.061	3.975	6.785